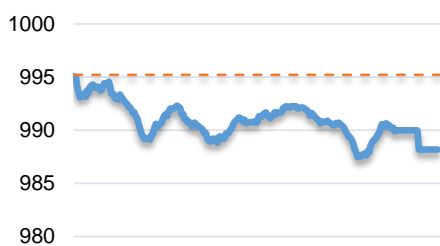


Diễn biến thị trường trong phiên

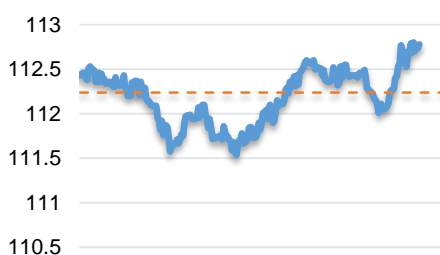
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	988.17	112.78	51.32
% ngày	(0.71)	0.48	0.10
% tuần	0.61	2.54	(0.54)
% tháng	5.63	6.70	2.70
% năm	27.67	8.95	(5.75)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,867.42	650.51	151.85
Hôm qua	3,889.78	691.83	205.20
TB 1 tháng	3,592.84	589.71	229.62
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	422.70	20.15	21.80
Bán	517.07	14.95	34.24
Giá trị ròng	(94.37)	5.20	(12.44)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	115	59	73
Mã Giảm	158	81	68
Không Đổi	80	244	593
Chỉ số chính			
P/E	17.8x	10.5x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,178	201	848
LS Cổ tức	1.97	2.43	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Hôm nay, các thị trường có sự phân hóa rõ nét khi thị trường Nhật, Taiwan, HongKong... tăng điểm trong phiên bên cạnh đó là thị trường Trung Quốc, Singapore, Việt Nam... lại có phiên giảm điểm. Riêng đối với thị trường Việt Nam khi chỉ số VN-Index tăng liên tục trong thời gian vừa qua và gần chạm vùng tâm lý 1,000 điểm đã làm cho áp lực bán chốt lời gia tăng trong phiên. Chỉ số VN-Index giảm nhẹ 0.71% đóng cửa ở mức 988.2 điểm, chỉ số HNX-Index tăng thêm 0.5% dừng lại ở mức 112.8 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa ở mức 51.3 điểm và tăng nhẹ 0.1%.

Tuy nhiên thanh khoản trong phiên của toàn thị trường duy trì ổn định với giá trị khớp lệnh là nằm trong khoảng gần 4,300 tỷ đồng. Riêng khối ngoại có lượng bán ròng 100 tỷ đồng tập trung tại các mã như VNM, BSR, VHM, MSN, VRE... Riêng đối với CCQ E1VFN30 được khối ngoại mua ròng liên tục với lượng lớn. Ngoài ra khối ngoại cũng mua ròng các cổ phiếu khác như SSI, KDC, HPG...

Dù chỉ số VN-Index có giảm nhẹ nhưng diễn biến thị trường là không quá tiêu cực khi có nhiều cổ phiếu tăng tốt như PNJ, SSI, DXG, VJC, BVH, SAB, hay các cổ phiếu ngân hàng như ACB, HDB, TPB. Nhóm bất động sản, xây dựng có diễn biến khá tích cực với nhiều mã tăng điểm như VPI, NLG, VGC, DXG, DIG, FLC, HBC, HDG... Trong khi đó, các cổ phiếu dầu khí, chứng khoán hầu hết đều giảm điểm. Bộ đôi HAG, HNG cũng giao dịch khá tốt khi đồng loạt ngược dòng tăng điểm, thậm chí giá đóng cửa gần chạm mốc cao nhất phiên.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại đường trung bình 100 ngày (tức là mức 1,000 điểm). Đồng thời, chúng tôi vẫn đánh giá đây chỉ là nhịp điều chỉnh kỹ thuật sau chuỗi ngày tăng kéo dài trước đó, đặc biệt rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và dòng tiền ngắn hạn tiếp tục tạo ra sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức cao cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chưa qua lớn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 971.84 điểm của chỉ số VN-Index và 108.67 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và ưu tiên nắm giữ ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 60% cổ phiếu/40% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.35	TĂNG	GIẢM	17.15	16.31	1.17%			19.63		
ACB	39.30	TĂNG	GIẢM	35.60	36.86	10.39%			41.80		
ACV	83.50	GIẢM	GIẢM		88.21				95.72		
BFC	27.25	TĂNG	GIẢM	27.00	25.35	0.93%			28.97		
BHN	84.90	GIẢM	GIẢM		86.79				107.32		
BID	33.65	TĂNG	TĂNG	25.80	31.27	30.43%		33.40	31.14	0.75%	MUA
BMP	53.40	GIẢM	GIẢM		55.43				62.64		
BSR	16.60	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	91.10	TĂNG	TĂNG	78.00	84.97	16.79%			91.06		
BWE	18.35	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	3.67%			19.20		
CEO	13.40	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	0.00%			15.95		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	162.10	TĂNG	TĂNG	149.50	155.35	8.43%		161.20	128.54	0.56%	
CTG	27.00	TĂNG	GIẢM	24.00	25.47	12.50%			28.07		
CTI	30.90	TĂNG	GIẢM	30.50	29.10	1.31%			33.12		
CVT	26.40	TĂNG	GIẢM	25.85	25.24	2.13%			29.58		
DCM	10.15	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-8.14%			10.69		
DGW	26.20	TĂNG	GIẢM	23.90	24.44	9.62%			26.51		
DHA	26.40	GIẢM	GIẢM		27.66				28.49		
DHC	38.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	91.50	GIẢM	GIẢM		97.72			114.49	95.93	-16.21%	
DPG	50.30	TĂNG	TĂNG	40.90	46.19	22.98%			50.13		
DPM	17.15	GIẢM	GIẢM	17.70	17.44	-1.46%	BÁN		18.72		
DPR	36.90	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.60%			39.04		
DQC	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	27.99	2.20%			31.92		
DRC	26.30	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	1.74%		24.30	19.87	8.23%	
DXG	28.65	TĂNG	GIẢM	23.75	26.29	20.63%			29.38		
ELC	8.88	GIẢM	GIẢM		9.18				10.91		
FCN	16.50	TĂNG	TĂNG	16.25	15.96	1.54%		17.70	13.88	-6.78%	
FIT	4.08	GIẢM	GIẢM		4.28				5.18		
FMC	23.50	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	10.85%			23.95		
FPT	44.20	TĂNG	GIẢM	42.90	42.92	3.03%			45.46		
GAS	100.90	TĂNG	GIẢM	101.50	94.79	-0.59%			103.15		
GEX	29.10	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-4.90%		30.10	24.67	-3.32%	
GIL	49.10	TĂNG	TĂNG	41.65	46.98	17.89%		34.90	41.22	40.69%	
GMD	26.40	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	3.94%			28.65		
GTN	11.10	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-0.89%	



We Create Fortune

HAG	6.99	GIẢM	TĂNG		7.53			6.19	5.86	12.92%	
HAX	15.50	GIẢM	GIẢM		16.04				18.67		
HBC	22.65	TĂNG	GIẢM	22.95	21.67	-1.31%			27.24		
HDB	37.20	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	16.70	TĂNG	TĂNG	16.70	16.26	0.00%	MUA	8.20	14.10	103.66%	
HPG	39.60	TĂNG	GIẢM	37.20	37.82	6.45%			42.50		
HSG	10.75	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	12.90	TĂNG	GIẢM	11.75	12.36	9.79%			12.91		
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	38.80	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	17.58%		39.20	30.48	-1.02%	
ITD	11.75	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-5.24%	
KBC	12.05	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	-0.41%			13.24		
KDH	30.85	TĂNG	GIẢM	30.30	29.65	1.82%			33.03		
KSB	29.50	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.00	TĂNG	GIẢM	9.46	8.86	-4.86%			10.06		
LDG	14.80	TĂNG	GIẢM	15.00	13.56	-1.33%			15.06		
LIX	40.50	GIẢM	GIẢM		41.35				44.18		
LPB	9.20	GIẢM	GIẢM		9.92				11.99		
LSS	6.60	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	91.00	TĂNG	TĂNG	79.10	87.48	15.04%		90.60	90.22	0.44%	MUA
MWG	122.30	TĂNG	TĂNG	112.00	117.93	9.20%		121.00	104.78	1.07%	
NKG	13.30	GIẢM	GIẢM		14.13				17.00		
NLG	32.00	TĂNG	TĂNG	29.80	29.25	7.38%			31.83		
NT2	26.50	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.78	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.51%		10.45	8.94	-6.41%	
NTP	48.40	TĂNG	GIẢM	46.40	43.87	4.31%			51.18		
PAC	40.20	TĂNG	GIẢM	40.20	38.37	0.00%			42.18		
PC1	24.90	GIẢM	GIẢM		26.85				29.68		
PDR	26.05	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-2.07%			29.12		
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%			15.68		
PHR	25.20	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	15.07%		24.00	20.43	5.00%	
PLX	67.30	TĂNG	GIẢM	60.50	64.83	11.24%		68.00	67.88	-0.17%	MUA
PNJ	104.10	TĂNG	TĂNG	90.30	97.82	15.28%		103.90	102.31	0.19%	MUA
POW	13.90	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	6.92%			13.91		
PPC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.62%			19.21		
PTB	60.90	TĂNG	TĂNG	60.00	57.33	1.50%		64.00	53.16	-4.84%	
PVD	15.25	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-6.73%	
PVI	29.30	TĂNG	GIẢM	29.90	28.38	-2.01%			33.71		
PVS	20.60	TĂNG	TĂNG	17.00	19.08	21.18%		20.90	14.67	-1.44%	
PXS	5.70	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-7.92%	
RAL	90.00	TĂNG	GIẢM	91.00	86.24	-1.10%			102.96		
REE	35.80	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	-1.65%		36.40	34.97	-1.65%	MUA
SAB	226.00	TĂNG	GIẢM	208.00	211.75	8.65%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.15	TĂNG	GIẢM	7.16	6.77	-0.14%		7.59	
SBV	25.30	GIẢM	GIẢM		27.31			29.26	
SCR	9.41	TĂNG	GIẢM	9.35	9.05	0.64%		10.30	
SHI	6.10	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-12.73%
SJS	19.05	GIẢM	GIẢM	19.70	19.17	-2.67%	BÁN	21.87	
SKG	22.90	TĂNG	TĂNG	20.05	21.94	14.21%	23.10	21.27	-0.87%
SSI	31.90	TĂNG	GIẢM	29.55	29.51	7.95%		34.19	
STB	11.40	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	1.79%		12.71	
SVC	45.50	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74	
TCB	26.15	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-8.25%	18.40	4.60	42.12%
TCM	21.50	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	20.79%	21.60	20.79	-0.46%
TDH	11.50	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-1.71%		13.15	
TLH	7.50	TĂNG	GIẢM	7.49	7.16	0.13%		8.32	
TMT	6.90	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28	
TNG	11.50	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	6.48%		11.90	
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.04			12.27	
VCB	63.10	TĂNG	GIẢM	57.50	60.38	9.74%		64.41	
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	7.58%
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	17.90	16.79	4.47%		21.50	
VHM	108.30	TĂNG	N/A	111.90	107.63	-3.22%			
VIB	27.60	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	0.00%		30.67	
VIC	103.00	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-7.62%
VIP	6.85	GIẢM	GIẢM		7.15			7.29	
VJC	155.40	TĂNG	TĂNG	144.50	147.75	7.54%		154.12	
VNM	157.60	GIẢM	GIẢM	163.00	157.69	-3.26%	BÁN	175.10	
VPB	25.25	GIẢM	GIẢM		26.84			33.19	
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	29.58%	19.35	17.99	18.86%
VRE	39.60	GIẢM	GIẢM		41.47			44.98	
VSC	40.95	TĂNG	TĂNG	35.50	38.04	15.35%	35.30	34.14	16.01%
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.61		17.40	16.64	-1.15%



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	988.17	(0.71)
VN30	964.99	(0.62)
VN Mid	1,024.10	0.18
VN Small	812.18	(0.33)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	422.70	
Bán	517.07	
GT rỗng	(94.37)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	230	6.9%
OGC	140	5.6%
CSV	1,850	5.1%
DRH	700	5.1%
HNG	800	5.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	(1,750)	-6.8%
SJS	(950)	-4.8%
ROS	(1,450)	-3.4%
KBC	(350)	-2.8%
PLX	(1,700)	-2.5%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	328,737	
VHM	290,202	
VNM	228,709	
VCB	227,019	
GAS	193,118	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	11.11	16.38
HAG	7.49	12.16
HPG	6.88	5.83
OGC	6.84	1.74
DXG	5.84	2.91

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	112.78	0.48
HN30	203.72	0.54
VNX AllSh	1,387.73	(0.38)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	20.15	
Bán	14.95	
GT rỗng	5.20	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	1,500	5.7%
DGC	2,100	5.4%
DGL	1,700	4.4%
VGC	700	3.9%
L14	1,300	3.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	(500)	-3.6%
HUT	(100)	-1.9%
SHS	(200)	-1.3%
NVB	(100)	-1.2%
PVS	(200)	-1.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,621	
VCS	14,128	
SHB	10,467	
PVS	9,202	
VGC	8,384	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KLF	5.38	3.06
ACB	4.61	10.44
SHB	4.27	8.46
PVS	3.83	10.04
VGC	2.87	2.47

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.32	0.10

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	21.80	
Bán	34.24	
GT rỗng	(12.44)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
POW	600	4.5%
GEG	300	2.2%
DVN	300	2.0%
OIL	200	1.4%
MSR	200	0.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	(1,400)	-1.6%
BSR	(200)	-1.2%
LPB	(100)	-1.1%
QNS	(400)	-1.0%
HVN	(100)	-0.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	181,790	
MCH	53,064	
BSR	51,468	
HVN	48,486	
POW	32,552	

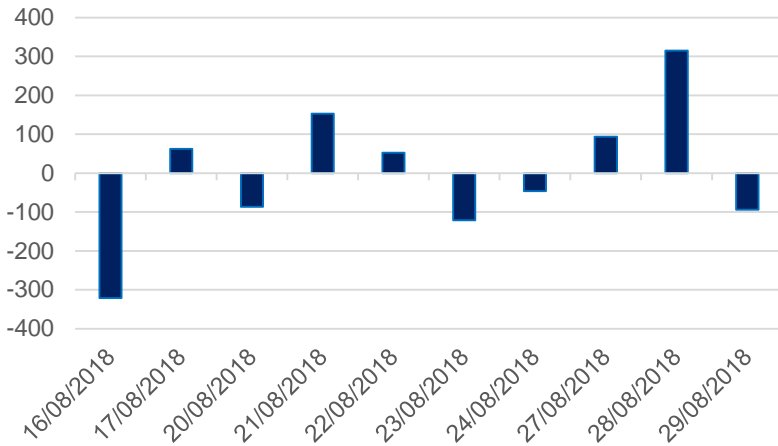
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
POW	3.40	1.25
BSR	2.24	1.78
LPB	1.12	2.26
DLD	0.90	0.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

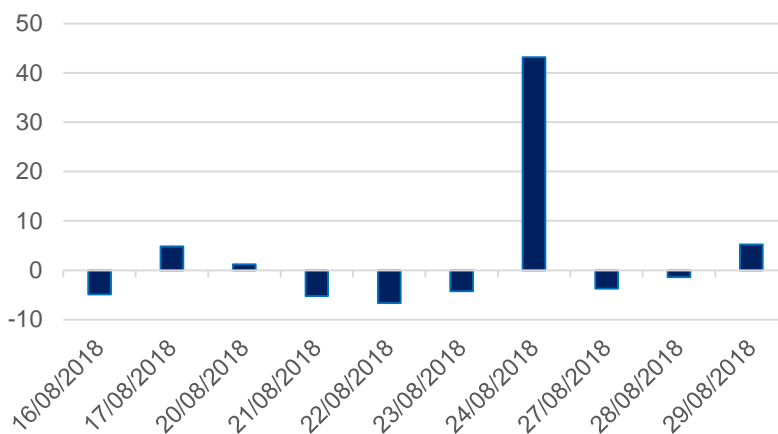
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
E1VFN30	44,293	VNM	(89,064)
SSI	40,348	VHM	(11,572)
KDC	27,550	MSN	(11,081)
HPG	9,918	VRE	(10,995)
VJC	5,626	DXG	(9,756)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

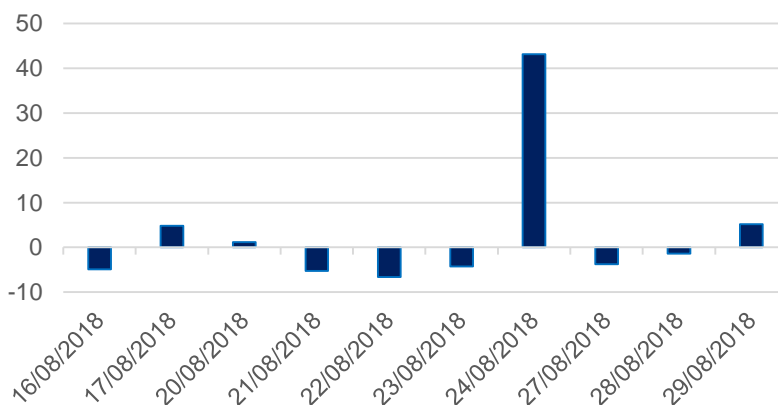
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DBC	7,730	VCG	(7,471)
VGC	3,307	NDN	(1,514)
TV2	1,849	PCG	(624)
PVS	860	CAP	(233)
NTP	645	SHS	(215)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	7,968	BSR	(20,530)
VEA	2,923	OIL	(1,728)
KDF	201	ACV	(934)
CHS	81	LPB	(373)
EMS	57	HVN	(279)

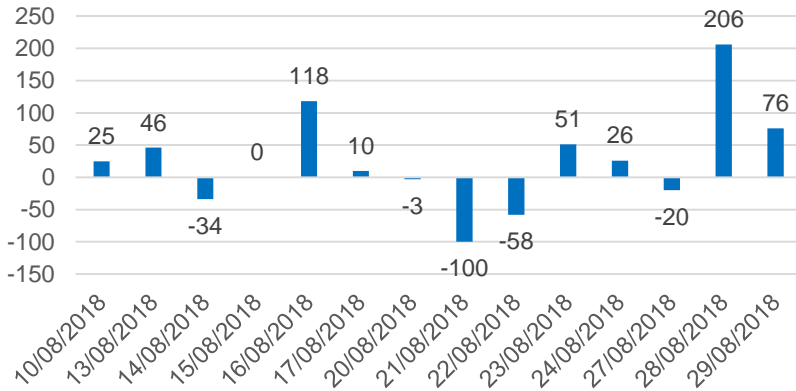
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

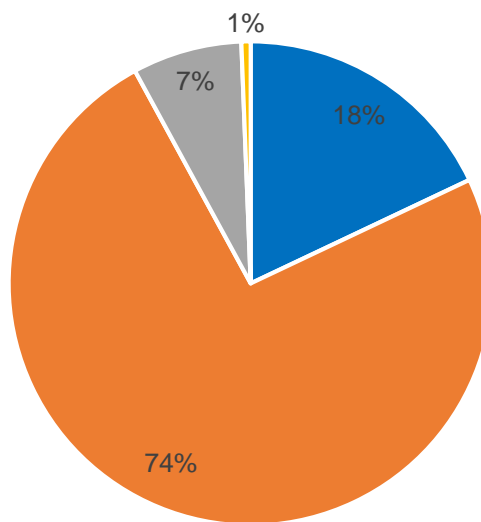


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
VIC	10,106	E1VFN30	44,378
VNM	4,996	HPG	14,397
MSN	4,353	PLX	13,854
HPG	4,258	VIC	2,997
VJC	3,955	SSI	2,868

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



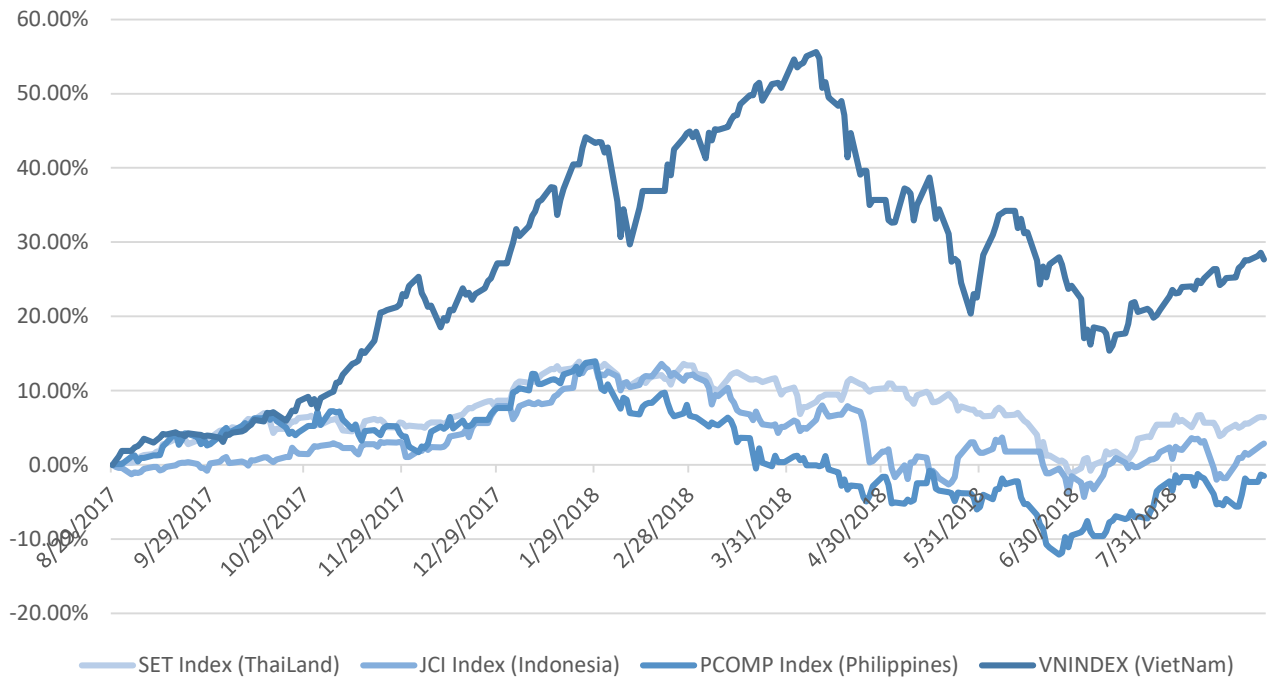
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

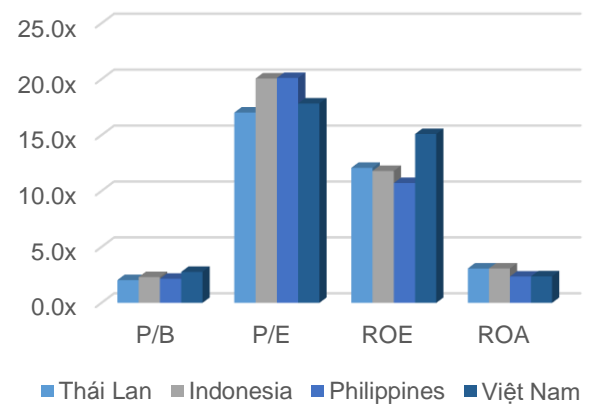
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.8x
P/E		17.0x	20.1x	20.1x	17.8x
ROE	%	12.07	11.80	10.72	15.10
ROA	%	3.08	3.08	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	529.26	466.83	183.49	136.45
GTGD	Triệu USD	1.44	0.39	0.10	0.17
LS cổ tức	%	3.05	2.24	1.51	1.97

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written